

THÁI LAN TÁI CƠ CẤU NỀN KINH TẾ SAU KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH CHÂU Á NĂM 1997

NGUYỄN THỊ HOÀN*

Năm 1997, ở Đông Nam Á đã diễn ra cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ. Thái Lan được xem là nơi châm ngòi cho cuộc khủng hoảng. Ngày 2/7/1997 Ngân hàng Trung ương Thái Lan tuyên bố thả nổi đồng Bạt, bãi bỏ việc gắn giá trị của đồng Bạt vào đồng Đôla Mỹ. Ngay lập tức, đồng Bạt đã mất giá 20 - 25 - 30% thậm chí thời điểm cao nhất là 108%, từ 25 Bạt /1USD giảm xuống tới 54 - 55 Bạt/1USD(1). Vòng xoáy của cuộc khủng hoảng tiền tệ đã nhanh chóng bao trùm toàn bộ nền kinh tế Thái Lan và lan sang các nước trong khu vực như Malaixia, Indônêxia, Philíppin, Xingapo. Đồng Pê xô của Philíppin giảm giá khoảng 43%, từ 26 Pê xô/1USD xuống 41 Pê xô/1USD; đồng Rinh ghít của Malaixia cũng giảm giá hơn 40%, từ 2,5 Rinh ghít/1USD giảm xuống 4,2 Rinh ghít/1USD. Đồng Rupi của Indônêxia từ chỗ 2433 Rupi/1USD có lúc xuống tới mức 16500 Rupi/1USD, trung bình mất giá 77%; đồng đôla Xingapo mất giá khoảng 10%. Cùng với sự mất giá của đồng tiền, thị trường chứng khoán cũng có những biến động lớn, giá cổ phiếu của nhiều công ty tụt xuống nhanh chóng, giao dịch trên

thị trường ngừng trệ. Hàng loạt công ty phá sản. Tháng 11/1997 Malaixia có 6578 doanh nghiệp phá sản, Thái Lan đình chỉ hoạt động của 56/58 công ty tài chính, Indônêxia đóng cửa 16 ngân hàng...(2)

Cuộc khủng hoảng tiền tệ đã tác động tới tình hình chính trị. Chính phủ của Thủ tướng Chaovalít phải từ chức thay bằng Chính phủ của Thủ tướng Chuẩn Lếchphay. Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng lâu dài không chỉ cho Thái Lan và một số nước ASEAN mà ảnh hưởng tới cả kinh tế khu vực và thế giới.

Sau khủng hoảng tài chính năm 1997, Thái Lan đã bắt đầu tái cơ cấu nền kinh tế của mình. Mục tiêu mà Thái Lan đặt ra trong tái cơ cấu nhằm chuyển đổi từ một nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp sang một nền kinh tế thu nhập trung bình cao với ngành chế tác và các ngành dịch vụ đa dạng. Các chiến lược về tái cơ cấu kinh tế của Thái Lan tập trung vào:

Thứ nhất, tái cơ cấu ngành kinh tế theo hướng: i) tái cơ cấu sản xuất nhằm nâng cao năng suất lao động và tăng thêm giá trị cho các hàng hóa và dịch vụ, trên cơ sở

* Ths. Nguyễn Thị Hoàn, Đại học Kinh tế Quốc dân

tri thức bản địa và văn hóa Thái Lan; ii) xây dựng các hệ thống miễn nhiễm và quản lý rủi ro cho các lĩnh vực hàng hóa và dịch vụ, thị trường tài chính, tài nguyên thiên nhiên, cũng như hệ thống tài khóa; iii) phát triển nông nghiệp thành cơ sở lương thực an toàn và đầy đủ cho thế giới; iv) nâng cao chuỗi giá trị trong công nghiệp, thông qua hợp nhất các khu vực hợp nhất khác nhau như phát triển các cụm công nghiệp và ứng dụng các công nghệ giảm tiêu thụ năng lượng cũng như sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

Thứ hai, tái cơ cấu đầu tư theo hướng khuyến khích tiết kiệm trong nước để tăng cường năng lực đầu tư của quốc gia và thực hiện an sinh xã hội, và giảm bớt mức độ phụ thuộc vào vốn nước ngoài, nhất là vốn vay và vốn cổ phần ngắn hạn. Tái cơ cấu quản lý thích đáng tài chính để tạo ra cân đối ngân sách trong tầm trung hạn và tạo điều kiện cho sản xuất trong nước bằng cách huy động vốn theo hướng hình thành các khu vực hiệu quả.

Thứ ba, tái cơ cấu hình thức phân phối theo hướng cạnh tranh và phân phối của cải bình đẳng và thúc đẩy phân phối công bằng bằng các lợi ích kinh tế của toàn bộ tăng trưởng trong toàn xã hội.

Thứ tư, tái cơ cấu theo hướng nâng cao hiệu quả tiêu thụ năng lượng và phát triển các nguồn năng lượng thay thế nhằm giảm mức độ nhạy cảm về năng lượng và mức độ phụ thuộc vào nhập khẩu.

Với chiến lược như vậy, ngành công nghiệp chế tạo của Thái Lan đã rất thành công trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu, tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài và

đẩy mạnh thâm nhập vào các nước mới mở cửa.

Thái Lan đã nỗ lực thay đổi cơ cấu hàng xuất khẩu theo hướng sản phẩm xuất khẩu có hàm lượng công nghệ cao, từng bước thay thế những sản phẩm xuất khẩu có chi phí lao động cao, nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực của sự giảm sút khả năng cạnh tranh của các sản phẩm xuất khẩu. Chính phủ Thái Lan đã đưa ra chương trình nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu với mục tiêu thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp từ các ngành có chi phí lao động cao sang các ngành sử dụng hàm lượng công nghệ cao. Theo đó, tập trung phát triển các ngành công nghiệp như chế tạo ô tô và xe máy, điện máy và điện tử. Mặt khác, chương trình này cũng khuyến khích sự phát triển và Áp dụng công nghệ hiện đại nhằm tăng phần giá trị gia tăng trong các ngành công nghiệp sử dụng chi phí lao động cao bao gồm dệt - may và chế biến thực phẩm.

Nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong khu vực Đông Á, Thái Lan đã thay đổi những chính sách để tạo môi trường đầu tư hấp dẫn hơn so với các nước trong khu vực. Cụ thể như nâng mức sở hữu nước ngoài lên 49% đối với các dự Án thông thường, 100% đối với các dự Án có trên 80% sản phẩm xuất khẩu. Ngoài ra, đối tác nước ngoài còn được phép điều chỉnh tỷ lệ sở hữu lên trên 51% trong trường hợp đối tác Thái Lan gặp khó khăn về tài chính. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính Thái Lan hủy bỏ quy định phải có 30% sản phẩm xuất khẩu trở lên mới được hưởng miễn giảm thuế trong ngành công nghiệp chế tạo.

Hiện nay, khi quá trình tự do hóa

thương mại và đầu tư trong khu vực đang tiếp tục được thúc đẩy để tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu, Thái Lan nhất thiết phải thu hút FDI cho các ngành sử dụng công nghệ cao. Để đạt được điều đó, Thái Lan cần phải phát triển mạng lưới ngành công nghiệp hỗ trợ một cách thích ứng. Vì vậy, Thái Lan quyết tâm xây dựng một cơ cấu công nghiệp đa dạng mà nòng cốt là các công ty đầu tư đến từ các nước công nghiệp phát triển, đặc biệt là các công ty từ Nhật Bản và Mỹ.

Trong những năm gần đây, Thái Lan đã tích cực tiến hành đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, đặc biệt là thâm nhập vào các nước mới mở cửa nền kinh tế như Việt Nam, Trung Quốc, Lào và Campuchia là những nước láng giềng. Sự gần gũi về địa lý đã tạo cho Thái Lan những lợi thế nhất định so với các chủ đầu tư khác. Ngoài ra, Thái Lan đã thiết lập được những mối quan hệ kinh tế gắn bó với nhiều nền kinh tế của các nước trên thế giới. Nhờ đó đã giúp cho Thái Lan vượt qua những khó khăn do cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á gây ra, duy trì được tỷ lệ tăng trưởng GDP khoảng 5%/năm và phục hồi nhanh chóng sự tăng trưởng kinh tế.

Tuy nhiên có thể thấy một số hạn chế trong lĩnh vực này. Đó là quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế diễn ra chậm và Thái Lan phụ thuộc nhiều vào thị trường thế giới. Các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động đã từng thúc đẩy sự tăng trưởng của Thái Lan trong một thời gian dài nay đã lỗi thời. Những ngành như dệt, giày dép và đồ chơi... khó có thể phục hồi do sự cạnh tranh của Trung Quốc và các nước khác. Những cố gắng của Thái Lan khi đi theo một số nước châu Á khác nhằm phát triển mạnh thị trường điện tử đã bị thất bại. Mặc dù việc sản xuất và xuất

khẩu loại hàng hóa này vẫn đang tồn tại, nhưng nền công nghiệp điện tử của Thái Lan vẫn là lắp ráp và đóng gói.

Việc phục hồi một số ngành sản xuất hướng vào xuất khẩu như ô tô, điện tử, viễn thông và máy văn phòng là do kinh tế Mỹ, Nhật Bản và EU, những đối tác kinh tế chủ yếu của Thái Lan đang có nhu cầu phát triển. là xuất khẩu lớn nhất của Thái Lan và nhà cung cấp lớn thứ hai sau (Các thị trường chính truyền thống của Thái Lan là , Nhật Bản, và). Sự gia tăng xuất khẩu ô tô do Nhật Bản chế tạo (như Toyota, Nissan, Isuzu) với hơn 1 triệu chiếc xe hơi sản xuất vào năm 2006 đã khiến Thái Lan gia nhập vào nhóm top 10 quốc gia xuất khẩu ô tô. Nếu những nhu cầu này bị thu hẹp lại thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp không nhỏ đến tốc độ tăng trưởng kinh tế của Thái Lan.

Bên cạnh đó, nền kinh tế của Thái Lan cũng có những hạn chế như: khả năng cạnh tranh của các mặt hàng xuất khẩu (điện tử, điện máy) còn thấp do chậm điều chỉnh đồng bộ cơ cấu thuế nhập khẩu nguyên liệu, chậm giải quyết vấn đề khả năng thanh toán cho các doanh nghiệp xuất khẩu vừa và nhỏ và khó khăn về việc giảm chi phí trong các doanh nghiệp; nguồn nhân lực thiếu những nhân viên kỹ thuật và những người quản lý có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao.

Ở Việt Nam, tái cơ cấu kinh tế đã được đề cập đến từ lâu. Tuy nhiên đến tận thời kỳ bùng nổ lạm phát nghiêm trọng cuối năm 2008 và suy thoái kinh tế từ đầu năm 2009 đến nay thì vấn đề tái cơ cấu kinh tế càng được quan tâm. Việt Nam đã thay đổi rất nhiều sau 20 năm đổi mới với thành tích tăng trưởng cao và sự tiến bộ trong việc thực hiện các mục tiêu thiên

niên kỷ. Việt Nam ngày càng được cộng đồng quốc tế đánh giá cao và có những ảnh hưởng nhất định trong khu vực và quốc tế. Có được thành công này một phần là nhờ vào giải phóng lực lượng sản xuất, thu hút FDI, xuất khẩu và hội nhập vào khu vực và toàn cầu. Điều này làm cho nền kinh tế Việt Nam ngày càng trở nên phức tạp và bị tác động mạnh từ nền kinh tế thế giới. Khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu đã phần nào làm rõ hơn những nút thắt đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong thời gian tới như: chất lượng tăng trưởng và hiệu quả của nền kinh tế, sự yếu kém của hệ thống tài chính, cơ sở hạ tầng, các ngành công nghiệp hỗ trợ, năng lực cạnh tranh, nguồn nhân lực chất lượng cao và các vấn đề xã hội phát sinh. Để tạo tiền đề cho tăng trưởng bền vững vấn đề đặt ra đối với Việt Nam là tái cơ cấu nền kinh tế nhằm tạo ra những động lực mới cho tăng trưởng.

Tái cơ cấu toàn bộ nền kinh tế phải được thực hiện bao gồm tái cơ cấu ngành, cơ cấu vùng và cơ cấu doanh nghiệp. Đi cùng với nó là thay đổi mô hình tăng trưởng theo hướng thị trường, theo hướng hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu dựa trên quan hệ hài hòa giữa thị trường trong nước và thị trường quốc tế, nâng cao hiệu quả, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, chú trọng cân đối giữa nguồn tiết kiệm trong nước và tiết kiệm nước ngoài để tránh phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn nước ngoài. Tái cơ cấu nền kinh tế phải theo hướng phát triển một mặt đẩy mạnh xuất khẩu, đầu tư nước ngoài, mặt khác tăng cường phục vụ thị trường nội địa và thúc đẩy đầu tư trong nội bộ nền kinh tế, đồng thời nâng cao hiệu quả tiêu thụ năng lượng và phát triển các nguồn năng lượng thay thế nhằm giảm mức độ nhạy cảm về

năng lượng, phụ thuộc vào nhập khẩu, chú ý phát triển xanh và thân thiện với môi trường.

Để tái cơ cấu đạt được hiệu quả thì quá trình này phải được theo đuổi với một khuôn khổ nhất quán và cần nhanh chóng hình thành cơ sở pháp lý để nâng cao tính khách quan của hoạt động tái cơ cấu. Cần thường xuyên cải thiện tất cả các hệ thống của nền kinh tế để đối phó với khủng hoảng tài chính thường xuyên tái diễn. Muốn nâng cao chất lượng tăng trưởng và đảm bảo tăng trưởng thì tái cơ cấu nền kinh tế là hết sức cần thiết và rõ ràng Việt Nam cần phải chọn cách đi riêng cho mình. Việt Nam cần phải hết sức lưu tâm giải quyết cho được những vấn đề như tốc độ tăng trưởng, giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường, phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, phát triển con người. Đó là những yếu tố vô cùng quan trọng để đảm bảo việc phát triển bền vững của nước ta.

Tóm lại, từ kinh nghiệm của Thái Lan và thực tiễn Việt Nam, có thể thấy việc giải quyết các vấn đề trên đòi hỏi sự quan tâm đặc biệt của các cơ quan hoạch định chính sách, sự tham gia của đông đảo người dân và của các tổ chức xã hội.../.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1, 2. Khủng hoảng tài chính tiền tệ ở một số nước châu Á và tác động của nó đối với Việt Nam (Kèm theo công văn số 746- CV/ VPTW), *Thông tin chuyên đề*, Tài liệu lưu tại Văn phòng trung ương Đảng tr 1, 2.
3. Trần Anh Tuấn (Chủ biên), (1999), *Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở khu vực nguyên nhân và tác động*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr 21-22